| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VT**<br>**TỈNH P** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **04**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 01 năm 2024
*"V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VT, TỈNH P**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Anh Tuấn.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Huy Trụ
2. Bà Đào Thị Kim Liên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Phạm Hoàng Hà, Thư ký Tòa án nhân dân TP.Việt Trì

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh P****, tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Bích Phượng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 444/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2023, về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 08/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 29/12/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1989;

Nơi ĐKHKTT: Tổ 4, phường Ỷ La, TP.Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn K**, sinh năm 1991;

Nơi ĐKHKTT: Khu 4, xã KĐ, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

*(Chị T xin xét xử vắng mặt; anh K vắng mặt).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày như sau:***

- Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn K chúng sống với nhau như vợ chồng, sau khi Chị T sinh con vào tháng 11/2020, thì đến ngày 29/12/2020 Chị T, anh K mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, thành phố T, tỉnh TQ, việc kết hôn của hai bên dựa trên cơ sở tự nguyện. Nhưng gia đình Chị T, anh K không tổ chức lễ cưới, hỏi gì cho hai bên. Sau khi kết hôn Chị T, anh K sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khác biệt về quan điểm, lối sống không thể hòa thuận được. Nay hai bên sống ly thân, không còn quan hệ gì với

nhau nữa. Hiện nay anh K đang ở cùng bố mẹ đẻ ở tại khu 4, xã KĐ, thành phố VT, tỉnh P. Nay Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và Chị T không còn yêu thương anh K nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị T xác định giữa chị và anh Hoàng Văn K có với nhau 01 con chung, cháu tên là Hoàng Tuệ A, sinh ngày 26/11/2020, hiện Chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn Chị T xin được nhận quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức và các vấn đề khác: Chị T xác định vợ chồng không có gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Phía bị đơn là anh Hoàng Văn K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Nên Tòa án không có bản tự khai và quan điểm của anh K.

Ông Hoàng Văn Kim, là bố mẹ đẻ của anh Hoàng Văn K cho biết như sau: Hộ khẩu thường trú của anh K ở tại khu 4, xã KĐ, thành phố VT, tỉnh P, cùng nơi cư trú với gia đình ông, hiện nay anh K vẫn đang sinh sống tại địa phương. Việc Chị T và anh K đăng ký kết hôn với nhau gia đình ông Kim không biết vì anh K không nói gì cho gia đình cũng như gia đình ông chưa bao giờ gặp mặt Chị T. Ông Kim đã thông báo và đã chuyển giao ngay tận tay anh K các văn bản tố tụng của Tòa án mà ông đã nhận thay anh K, còn việc anh K có đến Tòa án để giải quyết vụ án hay không thì ông không biết.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 khoản 1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử xử như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, Chị T được ly hôn với anh Hoàng Văn K.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Tuệ A, sinh ngày 26/11/2020 cho Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có, không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sau khi nghe ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, về việc: "Ly hôn và nuôi con chung", giữa nguyên đơn là chị Trần Thị T và bị đơn là anh Hoàng Văn K; phía bị đơn là anh K có hộ khẩu thường trú tại: xã KĐ, thành phố VT, tỉnh P; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh P là đúng pháp luật.

- Đây là vụ án không tiến hành hòa giải được, do nguyên đơn là Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; mặt khác, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà cố tình vắng mặt, là phù hợp với khoản 1, 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Chị T là phù hợp.

- Về việc vắng mặt của bị đơn: Anh Hoàng Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ vào Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Cường là phù hợp.

- Đây là vụ án mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh P tham gia phiên tòa, theo Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

- Do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nên cần áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án là phù hợp pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn K kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký tại UBND phường Y, thành phố T, tỉnh TQ ngày 29/12/2020, là hôn nhân hợp pháp. Phía Chị T cho rằng, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khác biệt về quan điểm, lối sống và đã sống ly thân từ lâu, không còn quan hệ gì với nhau nữa. Nay Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn và chị không còn yêu thương anh K nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án phía anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Tuy, không có lời khai của anh K, nhưng dựa trên lời trình bày của ông Hoàng Văn Kim, là bố đẻ của anh K thì có thể xác định anh K không thiện chí để vợ chồng đoàn tụ và thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, như vậy lời trình bày của Chị T là có căn cứ. Do vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của Chị T và xử cho Chị T được ly hôn anh K là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T xác định giữa chị và anh K có 01 con chung là cháu Hoàng Tuệ A, sinh ngày 26/11/2020, hiện Chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn Chị T

xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay con chung còn nhỏ 38 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn; mặt khác, hiện nay Chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Như vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cho Chị T được quyền nuôi dưỡng con chung, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con, vì Chị T không yêu cầu là phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức và các vấn đề khác: Chị T xác định vợ chồng không có gì, nhưng phía anh K vắng mặt. Do vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn là Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ vào*: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, 271, 273, 280, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* *Xử*: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị T về việc: "Ly hôn và nuôi con chung";

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Hoàng Tuệ A, sinh ngày 26/11/2020, cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì Chị T không yêu cầu.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đối với anh K.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị T đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng);* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005526 ngày 17/10/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VT, tỉnh P. (Biên lai thu tiền do anh Nguyễn Tiến Đạt nộp thay).

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*6. "Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi* hành *án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
- VKSND TP.VT;
- Chi cục THADS TP.VT;
- UBND;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Anh Tuấn**